

Số: 312 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2020

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Thiết bị Đo lường APPATECH và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 05/12/2020.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Thiết bị Đo lường APPATECH

Mã số thuế: 0401484855

Địa chỉ: Số 26, Nguyễn Xuân Khoát, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 7, đường 2 tháng 9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1696

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Giấy chứng nhận số 64/GCN-BXD ngày 01/03/2017./.

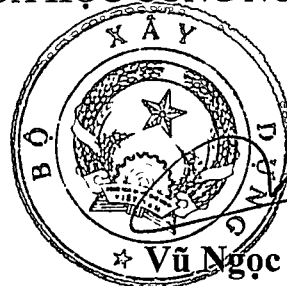
Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thiết bị Đo lường APPATECH;
- Sở XD Đà Nẵng;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



☆ Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1696
(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 312/GCN-BXD, ngày 25 tháng 12 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
Thử nghiệm cơ lý xi măng		
1	Xác định Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C348; ASTM C349.
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định độ nở sunphat	TCVN 6068:2004
5	Xác định khả năng giữ nước	TCVN 9202:2012
6	Xác định : Hàm lượng mất khi nung; Hàm lượng Anhydric sunfuric (SO ₃).	TCVN 141: 2008
Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng		
7	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993
8	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
9	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993
10	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông nặng.	TCVN 3110:1993
11	Xác định hàm lượng bột khí	TCVN 3111:1993
12	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
13	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
14	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993
15	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
16	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:1993
17	Xác định độ co của bê tông.	TCVN 3117:1993
18	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:1993 ASTM C39/C39M
19	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; ASTM C78/C78M
20	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:1993
21	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012
22	Xác định độ pH của bê tông	TCVN 9339:2012
23	Xác định độ chảy của bê tông tự lèn	EN 12350-8
Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa		
24	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
25	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006

// , 2020 . 12/25

26	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
27	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
28	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
29	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
30	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
31	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN7572-10:2006
32	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN7572-11:2006
33	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN7572-12:2006
34	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006
35	Xác định khả năng phản ứng kiềm silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:2006
36	Xác định hàm lượng clorua	TCVN7572-15:2006
37	Xác định hàm lượng sunfat, sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN7572-16:2006
38	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN7572-17:2006
39	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN7572-18:2006
40	Xác định hàm lượng silic ô xít vô định hình.	TCVN7572-19:2006
41	Xác định hàm lượng mica	TCVN7572-20:2006
42	Xác định hệ số Es	ASTM D2419
43	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883
Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng		
44	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
45	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
46	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
47	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
48	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm, đầm nén proctor	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:2006; TCVN 12790:2020
49	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
50	Vật liệu nền, móng mặt đường – Phương pháp xác định tỉ số CBR trong phòng thí nghiệm.	TCVN 12792:2020; ASTM D1883; AASHTO T193
Thử nghiệm vật liệu kim loại, liên kết hàn, cáp		
51	Thử kéo	TCVN 197-1:2004; TCVN 314:2008; ASTM A370; JIS Z2241-1998; AASHTO T68
52	Thử uốn kim loại	TCVN 198:2008; ASTM A370 JIS Z2248-1996
53	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010

54	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang.	TCVN 8310:2010
55	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc.	TCVN 8311:2010
56	Xác định độ cứng kim loại – Phương pháp: Rockwell; Brinell; Vicker	TCVN 257:2007; TCVN 256: 2007; TCVN 258: 2007
57	Thép cốt bê tông – Phương pháp uốn và uốn lại không hoàn toàn.	TCVN 6287:1997
58	Thử kéo cáp ứng lực trước; Thí nghiệm độ tụt neo; Thử kéo bu lông; Lực cắt bu lông; Lực xiết bu lông.	ASTM A370; BSEN13391:2004; ASTM F606; JIS B1186:1995
59	Tạo cáp dự ứng lực – Phương pháp xác định độ tụt chùng ứng suất khi kéo.	TCVN 10270:2014; ASTM E328
60	Kiểm tra không phá hủy mối hàn-Phương pháp: siêu âm;	TCVN 6735:2018; TCVN 1548:1987
61	Kiểm tra không phá hủy mối hàn-Phương pháp hạt từ;	TCVN 4396:2018
62	Kiểm tra không phá hủy mối hàn-Phương pháp thâm thấu.	TCVN 4617:2018
63	Phương pháp từ đo chiều dày lớp mạ điện Niken trên chất nền từ và không từ.	TCVN 5877:1995
64	Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt gang và thép-Phương pháp thử.	TCVN 5408:2007
65	Phương pháp xác định tải trọng phá hỏng dây cáp thép thông dụng	TCVN 6368:1998
66	Kiểm tra chất lượng bề mặt, kích thước mối nối bằng ống ren; Thử kéo tĩnh mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:2009
67	Thử nén bẹp ống kim loại	TCVN 1830:2008
68	Xác định chiều dày kim loại bằng siêu âm	ASTM E797
69	Thử nghiệm khả năng chịu tải của nắp hố ga, song chắn rác	BS EN 124:2015; TCVN 10333-3:2014
70	Thử kéo đồng bộ thép thanh dự ứng lực	TCVN 11243:2016
Thử nghiệm vải địa, lưới địa kỹ thuật và bắc thảm		
71	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
72	Xác định khả năng chịu tia cực tím, nhiệt độ và độ ẩm	TCVN 8482:2010
73	Xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:2010
74	Xác định sức bền kháng thủng bằng phép thử roi côn	TCVN 8484:2010
75	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010
76	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010
77	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:2010

5

78	Xác định: Lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật; Lực xé rách hình thang; Lực xuyên thủng CBR; Lực kháng xuyên thủng thanh; Áp lực kháng bụi; Kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-1 -:- 6:2011
79	Bác thăm Xác định khối lượng trên đơn vị thể tích	ASTM D3776
80	Bác thăm Xác định độ dày tiêu chuẩn/ danh định	ASTM D5199; TCVN 8220:2009
81	Bác thăm : Xác định độ dẫn dài khi đứt; Lực kéo đứt và độ giãn dài; Lực kháng xé	ASTM D4632; ASTM D882 ASTM D624;
82	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	ASTM D5048
83	Lưới địa kỹ thuật-Cường độ chịu kéo; Độ dẫn dài	ASTM D6637
Thử nghiệm cơ lý của tấm trải, màng chống thấm và vật liệu chống thấm		
84	Xác định: Lực kéo đứt và độ dẫn dài; Độ bền nhiệt; Hệ số thấm dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 9067:2012; ASTM D2523 ; ASTM D5636:98, ASTM D5147, ASTM D4551; EN 129697;
85	Màng chống thấm Lực kéo đứt và độ dẫn dài.	ASTM D6693; EN 12311
86	Màng chống thấm - Khối lượng riêng.	ASTM D792
87	Màng chống thấm - Cường độ xé rách.	ASTM D1004; EN 12310
88	Màng chống thấm - Hệ số thấm.	ASTM D5385; ASTM E96; EN 1928
89	Màng chống thấm - Cường độ chịu bóc mỗi hàn	ASTM D6392
90	Kích thước - Độ ổn định kích thước.	EN 1848-1; EN1107
91	Màng chống thấm - Tốc độ lão hoá.	EN 1296; EN 1850; EN 1110; EN12311
92	Vật liệu chống thấm gốc xi măng – Polime, xác định: Cường độ bám dính sau khi ngâm nước, Cường độ bám dính sau lão hóa nhiệt, độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	BSEN 14891:2012
93	Vật liệu chống thấm – Sơn bitum cao su, xác định: Độ mịn, độ nhớt qui ước, độ phủ màng sơn, thời gian khô, độ bền uốn, độ bám dính màng sơn trên nền bê tông,	TCVN 6557:2000
94	Silicon xam khe cho kết cấu xây dựng, xác định: Độ chảy; Khả năng đùn chảy; Độ cứng Shore A; Cường độ bám dính.	TCVN 8267-1-:- 6:2019
Thử nghiệm các chỉ tiêu phụ gia hóa học; phụ gia khoáng cho bê tông và vữa		
95	Xác định: Độ pH; Khối lượng riêng; Hàm lượng chất khô; Hàm lượng tro; Hàm lượng ion clo;	TCVN 8826: 2011
96	Kiểm tra tính năng của phụ gia theo các chỉ tiêu khả năng giảm nước, ảnh hưởng đến thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông và cường độ bê tông.	TCVN 8826: 2011

5

97	Xác định: Độ ẩm; Lượng mất khi nung; Hàm lượng SiO ₂ ; Lượng sót trên sàng 45µm; Chỉ số hoạt tính đối với xi măng.	TCVN 8827: 2011
	Thử nghiệm bê tông nhựa	
98	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall.	TCVN 8860-1 :2011
99	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm;	TCVN 8860-2 :2011
100	Xác định thành phần hạt.	TCVN 8860-3 :2011
101	Xác định tỉ trọng lớn nhất - khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời.	TCVN 8860-4 :2011
102	Xác định tỉ trọng lớn nhất - khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén.	TCVN 8860-5 :2011
103	Xác định độ chảy của nhựa.	TCVN 8860-6 :2011
104	Xác định độ góc cạnh của cát.	TCVN 8860-7 :2011
105	Xác định hệ số độ chặt lu lèn.	TCVN 8860-8 :2011
106	Xác định độ rỗng dư.	TCVN 8860-9 :2011
107	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10 :2011
108	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11 :2011
109	Độ ổn định còn lại của bê tông nhựa.	TCVN 8860-12 :2011
110	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông nhựa nóng theo phương pháp Marshall.	TCVN 8820: 2011
	Thử nghiệm nhựa bitum	
111	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
112	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496: 2005
113	Xác định nhiệt độ hoá mềm	TCVN 7497: 2005
114	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498: 2005
115	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5 giờ	TCVN 7499: 2005
116	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500: 2005
117	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng).	TCVN 7501: 2005
118	Xác định độ bám dính với đá.	TCVN 7504: 2005
	Thử nghiệm cơ lý vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa	
119	Xác định: Hình dáng bề ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số hao nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Khối lượng riêng của	22TCN 58: 1984

✓

	bột khoáng chất và nhựa đường; KLTT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng.	
	Thử nghiệm tại hiện trường	
120	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đài	TCVN 12791:2020
121	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát.	22TCN 346:2006
122	Xác định mô đun đàn hồi "E" của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.	TCVN 8861:2011
123	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m.	TCVN 8864:2011
124	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011
125	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Ben kelman.	TCVN 8867:2011
126	Bê tông nặng – Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy.	TCVN 9334:2012
127	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông.	TCVN 9335:2012
128	Phương pháp không phá hủy đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm.	TCVN 9357:2012
129	Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng.	TCVN 9354:2012
130	Xác định cường độ kéo nhỏ bê tông, khả năng bám dính của thép với bê tông.	TCVN 9490:2012; ASTM C900
131	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D6951
132	Xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp.	TCVN 5879:2009
133	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
134	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.	TCVN 9393:2012
135	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh kéo dọc trục.	ASTM D3689
136	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh đẩy ngang.	ASTM D3966
137	Thử nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012
138	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
139	Thử nghiệm cọc bê tông ly tâm ứng lực trước, Kiểm tra: Khuyết tật, ngoại quan, kích thước và nhãn mác; Độ bền uốn nứt thân cọc; Độ bền uốn thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục; Khả năng bền cắt thân cọc; Độ bền uốn gãy thân cọc	TCVN 7888:2014

5

140	Thử uốn cọc ván dự ứng lực	JIS A5373:2010
141	Cống bê tông cốt thép thoát nước, Kiểm tra: Khuyết tật ngoại quan, kích thước và độ vuông góc; Khả năng chịu tải và độ thấm nước.	TCVN 9113 : 2012; TCVN 9116: 2012
	Thử nghiệm dung dịch bentonite	
142	Xác định: Khối lượng riêng; Độ ổn định; Độ nhớt phễu Marsh; Độ pH; Lực cắt tĩnh; Hàm lượng cát; Độ dày áo sét; Lượng tách nước; Tỷ lệ chất keo.	TCVN 11893:2017; API RP 13B-1; ASTM D4381/ D4380/ D4792
	Thử nghiệm vữa xây dựng	
143	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
144	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
145	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
146	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003
147	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
148	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2003 ASTM C109/C109M
149	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
150	Thử nghiệm độ chảy của vữa tươi bằng dụng cụ côn chảy	ASTM C939
151	Vữa bện hóa gốc Polyme, xác định: Độ bền kéo; Độ bền nén; Độ bám dính; Thời gian công tác, thời gian đông rắn ban đầu, và thời gian đông rắn đủ cường độ sử dụng; Độ co dài và hệ số giãn nở nhiệt; Độ hấp thụ nước; Độ bện hóa;	TCVN 9080-1 -:- 7: 2012
152	Vữa – Keo dán gạch, xác định: Thời gian mờ, Độ trượt, Cường độ bám dính khi cắt, Cường độ bám dính khi kéo, Biến dạng ngang, Độ bện hóa	TCVN 7899-2:2008
153	Vữa – Keo chít mạch, xác định: Cường độ uốn và nén, Độ hút nước, Độ co ngót, Độ chịu mài mòn, Biến dạng ngang, Độ bện hóa.	TCVN 7899-4:2008
154	Xác định các tính chất cơ lý của vữa xi măng khô trộn sẵn không co: Độ chảy, độ tách nước, cường độ chịu nén, thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, thay đổi chiều dài mẫu vữa đông rắn.	TCVN 9204:2012
155	Vữa chèn cáp dự ứng lực: Xác định: Thành phần có hại trong vật liệu; Lượng vón cục trên sàng; Độ chảy; Độ chảy lan tỏa; Độ tách nước và thay đổi thể tích theo phương pháp ống đứng; Thời gian đông kết; Cường độ nén	TCVN 11971:2018
	Thử nghiệm gạch đất sét nung	
156	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009

157	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
158	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
159	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
160	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
161	Xác định độ rỗng gạch xây	TCVN 6355-6:2009
162	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
Thử nghiệm gạch bê tông tự chèn		
163	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan. Xác định cường độ nén, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 6476:2011
Thử nghiệm sản phẩm bê tông nhẹ:		
164	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan. Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt. Xác định cường độ nén, độ ẩm và khối lượng thể tích khô, độ co khô, độ hút nước.	TCVN 9030:2017
Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông:		
165	Kiểm tra kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan. Xác định cường độ nén, độ rỗng, độ thấm nước, độ hút nước.	TCVN 6477:2016
Thử nghiệm gạch Ceramic.		
166	Xác định: Kích thước và hình dáng; Độ hút nước và độ xốp biểu kiến; Độ bền uốn và lực uốn gãy; Độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men; Độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men; Hệ số dẫn nở nhiệt dài; Hệ số giãn nở ẩm.	TCVN 6415-2÷10:2016
167	Xác định: Khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; Độ chịu mài mòn bề mặt của đá ốp, lát tự nhiên	TCVN 4732:2016
168	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016
Phân tích hóa nước xây dựng		
169	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
170	Xác định độ Ph	TCVN 6492:2011
171	Xác định hàm lượng Ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996
172	Xác định hàm lượng Ion sunfat (SO ₄ ⁻)	TCVN 6200:1996
173	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996
Thử nghiệm thạch cao- Khung xương trần thạch cao		
174	Xác định: Kích thước, độ sâu gờ vuốt thon; Độ cứng gờ, lõi cạnh; Cường độ chịu uốn; Độ kháng nhỏ đỉnh; độ biến dạng ẩm; Độ hút nước; Độ hấp thụ nước bề mặt; Độ thấm thấu hơi nước	TCVN 8257-1÷ 8 :2009

175	Xác định kích thước độ vuông góc, độ thẳng cạnh, thử tải khung trần treo	ASTM C635:13
Thử nghiệm sơn Alkali, sơn tường, sơn nhũ tương		
176	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
177	Xác định thời gian chảy	TCVN 2092:2013
178	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
179	Phép thử cắt ô	TCVN 2097:2015
180	Xác định màu sắc theo phương pháp so sánh trực quan	TCVN 2102:2008
181	Xác định độ thấm nước	TCVN 8652:2012
182	Xác định: Độ bền nước; Độ bền kiềm; Độ bền rửa trôi; Độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653-2-:-5 :2012
183	Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406: 2012
Thử nghiệm Ván gỗ nhân tạo		
184	Xác định: Kích thước, độ vuông góc và độ thẳng cạnh; Độ ẩm; Khối lượng thể tích; Độ trương nở chiều dày sau khi ngâm nước; Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván; Độ bền ẩm; Chất lượng dán dính của ván gỗ dán; Độ bền bề mặt; Lực bám giữ đinh vít	TCVN 7756-2÷ 12:2007 TCVN 12445:2018; TCVN 11906:2017
Thử nghiệm cao su, gối cầu kiểu chậu, gối cầu cao su bản cốt thép, khe co giãn		
185	Xác định độ cứng shore A	TCVN 1595-1:2007; ASTM D2240
186	Xác định ứng suất, giãn dài khi kéo	TCVN 4509:2013; ASTM D412
187	Chất dẻo – Xác định các tính chất kéo	TCVN 4501-1:2014
188	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo – Xác định biến dạng dư sau khi nén	TCVN 5320-1:2016
189	Thử Mô đun trượt, biến dạng nén dư, biến dạng nén.	TCVN 10308:2014; ASTM D395; ISO 1431-1:2012
190	Thử nén thẳng đứng, góc xoay, hệ số ma sát, đẩy ngang của gối cầu kiểu chậu	TCVN 10269:2014
Thử nghiệm Vật liệu nhựa, cao su lưu hóa, nhiệt dẻo, băng chặn nước PVC.		
191	Phương pháp thử áp suất bên trong, áp lực chịu nén bên ngoài, kích thước và sai lệch hình học	TCVN 6149:2009; TCVN 9070:2012; ASTM D 1599:14 ^e ; TCVN 6145:2007 TCVN 9407:2014
192	Phương pháp thử kéo	TCVN 7434:2004; TCVN 9407:2014; ASTM D638:2014

193	Kích thước, độ cứng, độ bền hóa chất ống nhựa gân xoắn.	TCVN 9070:2012
194	Xác định: Độ bền hóa chất; Độ cứng Shore A; Tỷ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt; Khối lượng riêng.	TCVN 9407:2014
195	Thử nghiệm kính xây dựng	
196	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; và sai lệch kích thước, độ cong vênh, biến dạng quang học	TCVN 7219:2018; TCVN 7527:2005; TCVN 7456:2004; TCVN 9808:2013; TCVN 7364-6:2018
197	Kiểm tra kích thước lỗ khoan, rãnh và cạnh cắt, độ bền va đập, phá vỡ mẫu.	TCVN 7455:2013; TCVN 8261:2009; TCVN 7368:2013
198	Thử nghiệm Bột bả tường gốc xi măng Poóc lăng, Xác định: Độ mịn, thời gian đông kết, độ giữ nước, độ cứng bề mặt, cường độ bám dính,	TCVN 7239:2014
199	Chất kết dính gốc nhựa Epoxy cho bê tông, Xác định: Độ nhớt, Độ chảy sệ, Thời gian tạo Gel, Độ dính kết, Độ hấp thụ nước, Nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng.	TCVN 7952-1-:-6 : 2008

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

5 N 11

5